TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK** -----***-----	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 68/2022/DS-ST
Ngày 12/9/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Cảnh Toàn.**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sáu.**

2. Bà **Nguyễn Thị Chinh.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lương Công Hà** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Cát Cảng** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2019/TLST- DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (A).

Địa chỉ: 02 – đường L – phường T – quận B – thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật, ông Tiết Văn Th – chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện được ủy quyền: ông Đặng Quốc D – Chức vụ: Trưởng phòng KHKD - Ngân hàng N - chi nhánh E - Bắc Đắk Lắk.

Địa chỉ: thôn T – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N.

Địa chỉ: thôn E – xã Đ - huyện K - tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 06/4/2022 và bản tự khai, đại diện nguyên đơn ông Đặng Quốc D trình bày: Ngày 29/11/2018, bà Nguyễn Thị N ký kết hồ sơ vay vốn tại N chi nhánh E - Bắc Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802719, cụ thể như sau: Số tiền vay 600.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích sử dụng vốn chăm sóc cây cà phê,

tiêu, trồng mới tiêu, chanh dây, mua đồ dùng sinh hoạt, lãi suất vay 11.0%/năm. Đến ngày 18/5/2022 đã trả nợ gốc 386.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N còn nợ ngân hàng tổng số tiền 253.705.549 đồng, trong đó: nợ gốc trong + quá hạn 214.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 35.469.522 đồng, nợ lãi quá hạn 4.236.027 đồng.

Tài sản bảo đảm nợ vay theo hợp đồng bào đảm tiền vay số 240777762/HĐTC ngày 28/11/2018 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số AK555258 do UBND huyện K cấp ngày 09/6/2008 và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BA790307 do UBND huyện K cấp ngày 07/4/2011.

Tính đến ngày 18/5/2022, sau khi trả một phần nợ gốc (386.000.000 đồng) thì ngân hàng đã giải chấp 01 tài sản là giấy chứng nhận QSD đất số BA790307 do UBND huyện K cấp ngày 07/4/2011.

Bà Nguyễn Thị N đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, vì vậy yêu cầu bà Nguyễn Thị N thanh toán số tiền vay (gốc + lãi) đang còn nợ của Ngân hàng N. Buộc bà Nguyễn Thị N tiếp tục trả hết nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 18/5/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ khi bản án/ quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng bào đảm số 240777762/HĐTC ngày 28/11/2018; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 240777762/VBSĐ ngày 12/5/2021 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập làm việc cũng như thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho bị đơn là bà Nguyễn Thị N nhưng đương sự đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn xác định về số tiền nợ gốc thì tính đến ngày 01/7/2022, bà Nguyễn Thị N đã trả cho ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng. Nay ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện là đề nghị bà Nguyễn Thị N tiếp tục trả số nợ gốc còn lại 184.000.000 đồng + lãi suất tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/9/2022) là 49.021.673 đồng (bao gồm lãi trong hạn 40.750.374 đồng + lãi quá hạn 6.148.877 đồng + lãi chậm trả 2.122.423 đồng), tổng cộng: 233.021.673 đồng.

Bà N phải tiếp tục trả hết nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802719 kể từ ngày 12/9/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số AK555258 do UBND huyện K cấp ngày 09/6/2008 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N đồng ý về số nợ gốc, nợ lãi như đại diện ngân hàng đã trình bày. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin đề nghị được trả dần cho ngân hàng đến khi hết nợ. Nếu không chấp nhận, đề nghị được xử lý tài sản đã thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ đúng pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng cũng như việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia phiên tòa đều đảm bảo, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho A số tiền nợ gốc 184.000.000 đồng + lãi suất tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/9/2022) là 49.021.673 đồng, tổng cộng: 233.021.673 đồng. Bà N phải tiếp tục trả hết nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802719 kể từ ngày 12/9/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật thì A có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số AK555258 do UBND huyện K cấp ngày 09/6/2008 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí, bị đơn thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 06/4/2022, Toà án nhân dân huyện Krông Năng nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N (A) – chi nhánh E - Bắc Đắk Lắk về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả cho A toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802719 ngày 29/11/2018. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là bà Nguyễn Thị N và bà N có nơi cư trú tại thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với tiền nợ gốc: Ngày 29/11/2018, bà Nguyễn Thị N ký hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802719 với Ngân hàng N – Chi nhánh E Bắc Đắk Lắk vay số tiền 600.000.000 đồng. Thời hạn vay 3 năm, lãi suất cho vay trong hạn 11.0%/ năm. Mục đích vay chăm sóc cây cà phê, tiêu, trồng mới tiêu, chanh dây, mua đồ dùng sinh hoạt. Ngày giải ngân 28/11/2021, lãi vay được trả theo định kỳ 06 tháng/ lần.

Hợp đồng tín dụng đã được các bên ký kết là hợp pháp để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng cũng như đến nay, bà Nguyễn Thị N chỉ mới trả cho A được số tiền nợ gốc 386.000.000 đồng (vào ngày 18/5/2022) và 30.000.000 đồng (vào ngày 01/7/2022) với tổng số tiền là 416.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại 184.000.000 đồng thì bà N chưa thanh toán cho A như thỏa thuận trong hợp đồng nên bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (trả nợ gốc đến hạn) mặc dù đã được Ngân hàng thông báo, nhắc nhở nhiều lần. Khoản nợ gốc của bà Nguyễn Thị N đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ sau ngày 28/11/2021, lỗi hoàn toàn thuộc về bà N. Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải hoàn trả số tiền nợ gốc còn lại 184.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền nợ lãi: Khi ký kết hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất quá hạn cũng như lãi chậm trả… Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu tính lãi suất (bao gồm lãi trong hạn + lãi quá hạn + lãi chậm trả…) của số nợ mà bà N đã nợ A theo mức lãi như hợp đồng tín dụng 5227LAV201802719 đã ký là có căn cứ.

Tính đến ngày 12/9/2022 thì bà Nguyễn Thị N đã nợ và phải trả cho A số tiền gốc là 184.000.000 đồng và lãi suất 49.021.673 đồng (trong đó: lãi trong hạn 40.750.374 đồng + lãi quá hạn 6.148.877 đồng + lãi chậm trả 2.122.423 đồng), tổng cộng: 233.021.673 đồng.

Bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802719 kể từ ngày 13/9/2022 cho đến khi trả hết nợ.

[2.3] Về tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp số 240777762/HĐTC ngày 28/11/2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 240777762/VBSĐ ngày 12/5/2021 giữa bên thế chấp bà Nguyễn Thị N với bên nhận thế chấp là Ngân hàng N – chi nhánh E Bắc Đắk Lắk đều có chữ ký của các bên và đã được công chứng tại tổ chức công chứng có thẩm quyền nên việc thế chấp này là hợp pháp.

Trường hợp bà Nguyễn Thị N thanh toán hết khoản nợ trên cho Agribank thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận QSD đất số AK555258 do UBND huyện K cấp ngày 09/6/2008 cho bà Nguyễn Thị N.

Nếu bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho A thì sau khi bản án có hiệu lực, A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận QSD đất số AK555258 để thu hồi nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự.

Nguyên đơn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A).

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc 184.000.000 đồng và nợ lãi (tạm tính đến ngày 12/9/2022) 49.021.673 đồng, tổng cộng: 233.021.673 đồng.

Tiền lãi, lãi suất quá hạn… từ ngày 13/9/2022 được tính theo hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802719 ngày 28/11/2018 đến khi trả hết nợ.

1.2. Trường hợp bà Nguyễn Thị N thanh toán hết nợ cho A thì Ngân hàng N – chi nhánh E Bắc Đắk Lắk có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận QSD đất số AK555258 do UBND huyện K cấp ngày 09/6/2008 cho bà Nguyễn Thị N.

1.3. Trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng A thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận QSD đất số AK555258 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

Hoàn trả cho A số tiền 6.248.000 đồng (do ông Hoàng Anh N nộp) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008948 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự biết quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Trần Cảnh Toàn

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS Krông Năng;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HSVA, VPTA.*